

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/DS-PT

Ngày: 27-9-2019

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản tặng
cho có điều kiện”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2019/TLPT - DS ngày 11 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp: “Đòi lại tài sản tặng cho có điều kiện”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 192/2019/QĐ-PT ngày 02/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 117/2019/QĐ-PT ngày 22/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 139/2019/QĐ-PT ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đình H, sinh năm: 1940 (chết ngày 14/01/2019), bà Vũ Thị Nh, sinh năm: 1940; cư trú tại số 233, đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Nh: Ông Đỗ Hữu S, sinh năm: 1952; cư trú tại số 91/23, đường H, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 91, quyền số 01/2019.TP/CC-SCT/CTCK do Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 11/3/2019), có mặt.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ông Trần Đình H:

1/ Bà Trần Thị Kim A, sinh năm: 1962; cư trú tại số 53, đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2/ Ông Trần Quang D, sinh năm: 1966; cư trú tại số 326/11, đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3/ Bà Trần Thị Thu C, sinh năm: 1968; cư trú tại số 19, đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

4/ Bà Trần Thị Kim L, sinh năm: 1970; cư trú tại số 78, đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

5/ Ông Trần Hải Ch, sinh năm: 1972; cư trú tại thôn N, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

6/ Ông Trần Trường C, sinh năm: 1973; cư trú tại số 233, đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

7/ Ông Trần Ngọc B, sinh năm: 1975; cư trú tại thôn T, xã Th, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

8/ Ông Trần Đình B, sinh năm: 1978; cư trú tại thôn N, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà A, bà D, bà C, bà L, ông B: Ông Đỗ Hữu S, sinh năm: 1952; cư trú tại số 91/23, đường H, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 91, quyền số 01/2019.TP/CC-SCT/CTCK do Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 11/3/2019), có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng anh Trần Thanh C, sinh năm: 1985, chị Đỗ Thị H, sinh năm: 1986; cư trú tại số 233, đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Văn phòng công chứng Đ; địa chỉ số 91/23, đường H, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Hữu S, sinh năm: 1952; cư trú tại số 91/23, đường H, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo pháp luật, có mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1959; cư trú tại số 53, đường H, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo:

- Bà Vũ Thị Nh - Nguyên đơn.

- Bà Trần Thị Kim A, Ông Trần Quang D, Bà Trần Thị Thu C, Bà Trần Thị Kim L, Ông Trần Đình B – Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ông Trần Đình H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2018 của vợ chồng Ông Trần Đình H, bà Vũ Thị Nh, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Ông Đỗ Hữu S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thì: vợ chồng ông H, bà Nh yêu cầu vợ chồng anh C, chị H có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn tài sản đã tặng cho là nhà và quyền sử dụng đất tại số 233, đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (thuộc thửa 27a và 27b, tờ bản đồ số F.137.III. D xã L, thành phố B). Lý do: bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tặng cho có điều kiện. Cụ thể: sau khi nhận được tài tặng cho đã đem thế chấp Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam LII – Phòng giao dịch L ngày 08/01/2018 để vay 650.000.000đ. Theo gia đình trình bày sau Tết Nguyên đán thì cả hai vợ chồng anh C, chị H bỏ đi và ly hôn. Do không có ai chăm sóc cha mẹ nên các anh chị em trong gia đình đã hợp phân công nhau đến chăm sóc cha mẹ cho đến nay. Gia đình có làm đơn báo Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B vào ngày 07/7/2018, Ủy ban nhân dân xã đã mời vợ chồng anh C, chị H nhưng không có mặt. Ngày 11/7/2018 Ủy ban nhân dân xã L tiếp tục mời nhưng vợ chồng anh C, chị H vẫn không có mặt. Ngày 24/7/2018 Ủy ban nhân dân xã L có Công văn số 50 xác định không làm việc được với vợ chồng anh C, chị H vì không có mặt. Đến 31/7/2018 nguyên đơn khởi kiện. Ngày 20/8/2018 vợ chồng anh C, chị H vay tiền của bà H để trả ngân hàng, rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 21/8/2018 lập hợp đồng chuyển nhượng tài sản cho ông L tại Văn phòng công chứng N. Ngày 21/8/2018 gia đình phát hiện nên đã có đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn. Ngày 24/8/2018 vợ chồng anh C, chị H và ông Sơn đã đến Văn phòng công chứng N hủy hợp đồng chuyển nhượng, lấy lại sổ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao cho bà H giữ.

- Theo lời trình bày của vợ chồng anh C, chị H thì cha, mẹ của anh C là Ông Trần Đình H, bà Vũ Thị Nh sinh được tất cả 10 người con, cụ thể: Bà Trần Thị Thu H (đã chết năm 2004), Bà Trần Thị Kim A, Ông Trần Quang D, Bà Trần Thị Thu C, Bà Trần Thị Kim L, Ông Trần Hải Ch, Ông Trần Trường C, Ông Trần Ngọc B, Ông Trần Đình B và anh Trần Thanh C là con út.

Năm 2009 anh C kết hôn với chị Đỗ Thị H. Sau khi kết hôn vợ chồng vẫn sống chung với cha mẹ và nuôi người anh tâm thần là Trần Trường C; các anh chị của anh C đều lấy chồng, lấy vợ có gia đình rồi ra ở riêng, không ở cùng với cha, mẹ, cha của anh C có tiền trợ cấp hàng tháng của người bệnh là 675.000đ, vợ chồng anh C trực tiếp nhận tiền ở xã rồi về đưa cho bà Nh cầm để chi tiêu

trong gia đình. Cuối năm 2017 cha mẹ anh C có làm hợp đồng tặng cho vợ chồng anh chị nhà và quyền sử dụng đất tại số 233, đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (thuộc thửa 27a và 27b tờ bản đồ F137.III.D xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng) với điều kiện vợ chồng anh chị phải có nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng, khám chữa bệnh khi cha mẹ còn sống, lo ma chay, mộ chí, giỗ chạp khi cha mẹ chết đi. Việc tặng cho đã làm đúng quy định của pháp luật và tài sản đã sang tên cho vợ chồng anh chị. Khi tặng cho tài sản có hiện trạng như bây giờ, vợ chồng anh chị chỉ sửa chữa thêm hệ thống điện, nước, phía sau trồng cây sầu riêng Thái năm thứ nhất.

Vợ chồng anh chị đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với cha, mẹ khi còn sống. Và khi nào cha, mẹ chết thì vợ chồng anh chị tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Việc bố mẹ anh chị khởi kiện chủ yếu là do tác động của các anh chị trong gia đình, thực tế bản thân bố mẹ không bao giờ muốn kiện vợ chồng anh, chị nên vợ chồng anh, chị không đồng ý với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý trả lại tài sản đã được tặng cho là nhà và đất tại số 233, đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (thuộc thửa 27a và 27b tờ bản đồ số F.137.III.D xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng).

- Theo lời trình bày của Ông Đỗ Hữu S, người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng Đ, thì: việc vợ chồng ông H, bà Nh tặng cho vợ chồng anh C, chị H tài sản nêu trên là có điều kiện. Về trình tự thủ tục tặng cho đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Nay đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Bích H cho biết hiện nay bà H đang giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh C, chị H (thửa 27a và 27b tờ bản đồ F137.III.D xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng) vì bị đơn đang nợ bà một số tiền. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Riêng việc vay nợ của vợ chồng anh C, chị H thì các bên sẽ tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 09/2019/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019; Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Trần Đình H và bà Vũ Thị Nh về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản tặng cho có điều kiện” đối với bị đơn là Vợ chồng anh Trần Thanh C và chị Đỗ Thị H.

Anh Trần Thanh C và chị Đỗ Thị H tiếp tục được quyền sử dụng diện tích 230m² đất ở và 1.210m² đất nông nghiệp (LN) tại địa chỉ: Số 233, đường L, thôn

T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (thuộc thửa 27a và 27b tờ bản đồ số F.137.III.D xã L, thành phố B) và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

Anh Trần Thanh C và chị Đỗ Thị H phải có nghĩa vụ thực hiện các điều kiện ghi trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có điều kiện), Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng Đ) công chứng ngày 13/12/2017, số công chứng 4980.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 06/5/2019 bà Vũ Thị Nh, Bà Trần Thị Kim A, Ông Trần Quang D, Bà Trần Thị Thu C, Bà Trần Thị Kim L, Ông Trần Đình B – Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ông Trần Đình H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Ông Đỗ Hữu S người đại diện theo ủy quyền của bà Nh và bà Kim Anh, ông Dũng, bà Cúc, bà Láng, ông B ký đơn kháng cáo).

Tại phiên tòa,

Ông Đỗ Hữu S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Bà Trần Thị Kim A, Ông Trần Quang D, Bà Trần Thị Thu C, Bà Trần Thị Kim L, Ông Trần Đình B vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Bị đơn đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa vợ chồng ông H, bà Nh và vợ chồng anh C, chị H có lập hợp đồng tặng cho tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại số 233, đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng với điều kiện là vợ chồng anh C, chị H phải có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng, khám chữa bệnh khi cha mẹ còn sống, lo ma chay, mộ chí, giỗ chạp khi cha mẹ chết. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông H, bà Nh cho rằng vợ chồng anh C, chị H không thực hiện việc chăm sóc, phụng dưỡng vợ chồng ông, bà; mang tài sản nói trên thế chấp vay Ngân hàng nên khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại khối tài sản nói trên. Vợ chồng anh C, chị H không đồng ý vì cho rằng không vi phạm hợp đồng nêu trên nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp đòi lại tài sản tặng cho có điều kiện*” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H thì thấy rằng: Theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện thì ông vợ chồng ông H, bà Nh tặng cho vợ chồng anh C, chị H là quyền sử dụng đất gồm các thửa 27a, 27b, tờ bản đồ số F.137.III.D tọa lạc tại số 233, đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng là có xảy ra trong thực tế, hợp đồng đã được Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng Đ) chứng thực số 4980, quyển số 52TP/SCC/HĐGD ngày 13/12/2017 và ngày 19/12/2017 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đăng ký biến động tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh C, chị H, như vậy về nội dung và hình thức của hợp đồng đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn cho rằng vợ chồng anh C, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tặng cho có điều kiện, cụ thể bị đơn không chăm sóc, phụng dưỡng, khám chữa bệnh cho ông H, bà Nh nhưng lại không xuất trình được căn cứ chứng minh trong khi đó vợ chồng anh C, chị H lại cung cấp chứng cứ bao gồm đưa ông H đi nằm viện (có giấy nằm viện), giấy khám sức khỏe cho ông H, hóa đơn mua thuốc cho bà Nh.

Ngoài ra theo biên bản xác minh ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (BL 134-136) tại Công an xã L, Trưởng thôn T, xã L, thành phố B và hàng xóm của bị đơn thì ngoài việc chăm sóc ông H, bà Nh vợ chồng anh C, chị H còn chăm sóc người anh bị bệnh tâm thần là Trần Trường C sống chung với vợ chồng ông H, bà Nh, còn các anh chị em đã có gia đình và đã ở riêng, thỉnh thoảng các người con khác đến thăm, có một thời gian ngắn ông B đến nhà anh C khi anh C vắng mặt còn hiện nay thì không ở nữa vì có khó khăn trong làm ăn. Do đó việc chăm sóc ông H, bà Nh là do vợ chồng anh C, chị H trực tiếp thực hiện, mặc dù trong thời gian sống chung với ông H, bà Nh vợ chồng anh C, chị H có làm ăn thua lỗ, mâu thuẫn về tình cảm và phải đi làm ăn xa nên việc chăm sóc ông H, bà Nh có lúc chưa được chu đáo nhưng kể từ ngày 22/8/2018 cho đến nay thì vợ chồng anh C, chị H đã trở về đoàn tụ và sống cùng với vợ chồng ông H, bà Nh. Khi ông H chết vợ chồng anh C, chị H đã cùng bà Nh và các anh chị em trong gia đình lo ma chay, mộ táng cho ông H tận tình chu đáo. Mặt khác qua xác minh thì vợ chồng anh C, chị H chưa có mâu thuẫn gì khiến dư luận đàm tiếu đến việc mâu thuẫn với vợ chồng ông H, bà Nh. Tại phiên tòa phúc thẩm những người con khác của bà Nh cũng thừa nhận hiện nay đưa bà Nh đi nơi khác chăm sóc, tuy nhiên việc này xuất phát từ tình cảm mẹ con trong gia đình, cũng không có ý kiến của anh C. Như vậy vợ chồng anh C, chị H đã thực hiện đầy đủ bổn phận và trách nhiệm của người con, chăm sóc vợ chồng ông H, bà Nh tận tình chu đáo.

Đối với việc nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tặng cho có điều kiện, cụ thể sau khi nhận được tài tặng cho đã đem thế chấp

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam LII – Phòng giao dịch L ngày 08/01/2018 để vay 650.000.000đ thì thấy rằng, theo nội dung của Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất có điều kiện ngày 13/12/2017 thì không có điều khoản nào quy định vợ chồng anh C, chị H không được mang tài sản được tặng cho đi thế chấp, chuyển nhượng,... nên việc vợ chồng ông H, bà Nh khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B thì trên phần đất đang tranh chấp ở phía trước có một căn nhà có diện tích 110m² xây dựng năm 1995, phía sau là căn nhà xây cấp 4 diện tích 135m² xây năm 1996; cây trồng trên đất thì trồng năm 2005; tất cả đều trước thời gian nguyên đơn lập hợp đồng tặng cho bị đơn. Các công trình xây dựng trên đất đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nên khi lập Hợp đồng tặng cho không thể hiện khối tài sản này. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận vợ chồng bị đơn sinh sống tại địa chỉ nói trên từ nhỏ, sau khi nhận tặng cho vẫn sinh sống cùng cha mẹ trong ngôi nhà vừa nêu. Tại giai đoạn sơ thẩm bà Nh và Ông Đỗ Hữu S, người đại diện hợp pháp của bà Nh, cũng thừa nhận cho vợ chồng anh C, chị H cả nhà và quyền sử dụng đất (Bản tự khai ngày 27/8/2018, bút lục 60; bản tự khai ngày 28/8/2018, bút lục 66; Biên bản hòa giải ngày 21/12/2018, bút lục 160, 161; Biên bản phiên tòa sơ thẩm, bút lục 260->267), cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tuyên bị đơn tiếp tục được quyền sử dụng diện tích 230m² đất ở và 1.210m² đất nông nghiệp (LN) tại số 233, đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (thuộc thửa 27a và 27b tờ bản đồ số F.137.III.D xã L, thành phố B) và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất là phù hợp.

[4] Theo hồ sơ thể hiện thì vợ chồng ông H, bà Nh có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện lập ngày 13/12/2017; yêu cầu hủy phần cập nhật sang tên của bị đơn tại trang IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tặng cho đồng thời yêu cầu bị đơn phải trả lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Theo hướng dẫn tại đoạn 5 mục 2 phần II của Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao "Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính" thì cấp sơ thẩm không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng là phù hợp, tuy nhiên lại xác định thiếu quan hệ tranh chấp là chưa thể hiện đầy đủ yêu cầu của đương sự, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/4/2019 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lại tài sản được tặng cho là nhà và quyền sử dụng đất nói trên, không có yêu cầu nào khác, lẽ ra cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện lập ngày 13/12/2017; yêu cầu hủy phần cập nhật sang tên của bị

đơn tại trang IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng lại không đề cập là vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên vi phạm này không lớn, trong trường hợp hủy án sơ thẩm để giải quyết lại cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án nên cần giải quyết theo thủ tục chung nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[5] Đối với Bà Nguyễn Thị Bích H hiện nay đang giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh C, chị H (thửa 27a và 27b tờ bản đồ F137.III.D xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng), các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Với những nhận định trên; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nh và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: chi phí do về, thẩm định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tại giai đoạn sơ thẩm là 1.500.000đ (nguyên đơn đã nộp và đã quyết toán xong). Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này.

[8] Về án phí: Lẽ ra nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, tuy nhiên do bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1940; tính đến thời điểm xét xử đã trên 60 tuổi và thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi do đó căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Nh.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho bà Nh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Nh và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H bao gồm: Bà Trần Thị Kim A, Ông Trần Quang D, Bà Trần Thị Thu C, Bà Trần Thị Kim L, Ông Trần Đình B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng Ông Trần Đình H (đã chết), bà Vũ Thị Nh; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H là Bà Trần Thị Kim A, Ông Trần Quang D, Bà Trần Thị Thu C, Bà Trần Thị Kim L, Ông Trần Đình B về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản tặng cho có điều kiện” đối với Vợ chồng anh Trần Thanh C, chị Đỗ Thị H.

Vợ chồng anh Trần Thanh C, chị Đỗ Thị H tiếp tục được quyền sử dụng diện tích 230m² đất ở và 1.210m² đất nông nghiệp (LN) tọa lạc tại số 233, đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (thuộc thửa 27a và 27b, tờ bản đồ số F.137.III.D, tọa lạc tại xã L, thành phố B) và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

Vợ chồng anh Trần Thanh C, chị Đỗ Thị H phải có nghĩa vụ thực hiện các điều kiện ghi trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có điều kiện) đã được Văn phòng công chứng Đ (nay là Văn phòng công chứng Đ) chứng thực số 4980, quyền số 52TP/SCC/HĐGD ngày 13/12/2017.

2. Về chi phí tố tụng: buộc nguyên đơn phải chịu 1.500.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp và quyết toán xong).

3. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho vợ chồng Ông Trần Đình H (chết), bà Vũ Thị Nh.

+ Án phí phúc thẩm:

Miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho bà Vũ Thị Nh.

Buộc Ông Trần Quang D phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm ông Dũng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0005660 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc Ông Trần Đình B phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm ông B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0005661 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc Bà Trần Thị Thu C phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm bà Cúc đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0005662 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc Bà Trần Thị Kim A phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm bà Kim Anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0005663 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc Bà Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm bà Láng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0005664 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự (12);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Châu Thạch